

Bản án số: 57/2018/HSST

Ngày: 18/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Với thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Trung Hiếu

2. Bà Đào Tuyết Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hiền Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1978; Nơi ĐKNKTT: Thôn L, Thị trấn H, huyện T, tỉnh V; Nơi ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Nguyễn Văn G (đã chết); Con bà: Phan Thị M (đã chết); Vợ là Trần Thị M, sinh: 1978; có 01 con sinh năm 2001; Theo danh chỉ bản số 000000109 lập ngày 10/01/2018 tại công an quận H thì bị cáo có 03 tiền án, 01 tiền sự

Tiền sự: Ngày 04/11/2010 đưa vào cơ sở chữa bệnh (cai nghiện bắt buộc)

Tiền án:

- Ngày 28/5/2009, Tòa án nhân dân quận H - thành phố H áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 1.005.000 đồng), Bản án số 156/HSST - Đã được xóa án tích.

- Ngày 29/10/2014, Tòa án nhân dân quận H xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp 2.420.000đ). Án số 225/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2015 - Chưa được xóa án tích.

- Ngày 02/2/2016, Tòa án nhân dân quận H áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phạm tội ngày 20/10/2015 (trị giá tài sản trộm cắp 500.000đ), Bản án số 63/HSST, ra trại ngày 21/6/2016 - Chưa được xóa án tích.

Tạm giữ: 06/01/2018; Tạm giam: 12/01/2018 - Có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991, ĐKKHKT: tổ A phường T, quận L, thành phố H - Vắng mặt

Nội dung vụ án

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 05/01/2018, tổ Công tác của Công an phường P trong khi làm nhiệm vụ, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc ví (bên trong có 5.149.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu I màu trắng đã qua sử dụng kèm theo sim) của chị Nguyễn Thị B (Sinh năm: 1991; HKTT: Tổ A phường T - quận L – thành phố H) tại ngã ba C – phố N, phường Đ, quận H, thành phố H. Tổ công tác đã bắt giữ T cùng tang vật đưa về trụ sở công an phường P để giải quyết. Ngoài ra, còn thu giữ của T 01 xe máy D, BKS: XXD1-XXXXX màu nâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng số 02/BKL - HĐĐG ngày 13/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: 01 điện thoại di động I màu trắng trị giá: 3.000.000đ. Chiếc ví da màu đỏ mận không có nhãn mác kích thước 10x20cm (đã qua sử dụng) hiện chưa đủ căn cứ định giá.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 19h10' ngày 05/1/2018, T điều khiển xe máy D BKS: XXD1 - XXXXX đến khu vực ngã ba phố C - Nguyễn T, quận H, thành phố H dừng xe đón khách đi xe ôm thì nhìn thấy chị B dừng xe máy mua hoa quả. T phát hiện chị B mở cốp xe lấy tiền rồi để ví lại trong cốp, lợi dụng lúc chị B không chú ý, T đã dùng tay phải lấy chiếc ví rồi giấu vào trong áo của T và bỏ đi ra chỗ T để xe máy thì bị tổ công tác công an phường P phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Chiếc xe máy T mua của người không quen biết, có giấy tờ đầy đủ, T đã cầm giấy tờ xe ở cửa hàng cầm đồ nhưng không nhớ rõ địa chỉ ở đâu. (BL 35-49)

Chị Nguyễn Thị B khai: Tài sản bị Nguyễn Văn T trộm cắp gồm 01 ví da màu đỏ mận (đã cũ không còn giá trị sử dụng) bên trong có 5.149.000đ, 01 chiếc điện thoại

I đã qua sử dụng. Ngày 28/2/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị B toàn bộ tài sản. Sau khi nhận lại tài sản, chị B không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy H BKS: XXD1- XXXXX có số khung 0YYYYYY, số máy 00YYYYYY. Theo kết luận giám định số 1490 ngày 07/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Số khung, số máy chiếc xe máy trên là số đóng lại, không xác định được số khung số máy. Xác minh phương tiện giao thông số khung số máy trên thuộc chủ sở hữu là ông Đặng Quang T, địa chỉ: Công ty X – huyện M – tỉnh V. Xác minh tại Công ty X không có ai có tên như trên. Cơ quan điều tra xác minh Biên kiểm soát XXB - XXXXX thuộc xe máy P, chủ sở hữu là của ông Trần Nhật K (địa chỉ: CCC phố B, phường T, quận H, thành phố H, chuyên khẩu về phố K, phường T, quận H, thành phố H). Tiến hành xác minh tại Công an phường T cung cấp ông Trần Nhật K đã chết năm 2014. Bà Phạm Thị Kh (vợ ông K) khai đăng ký chiếc xe máy nhãn hiệu P, BKS: XXD1-XXX.XX, số khung 00YYYYYYY, số máy 00YYYYYYY vào ngày 18/01/2001, đăng ký lại vào ngày 10/9/2012. Trong quá trình sử dụng vào khoảng cuối năm 2012 gia đình bà Kh bị mất chiếc xe trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo xác định chủ sở hữu nhưng chưa tìm được ai là chủ sở hữu.

Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị xử lý bị cáo mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Về dân sự, người bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tang vật chứng đã thu giữ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h10' ngày 05/01/2018, Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc ví bên trong có 5.149.000đ và 01 điện thoại di

động I màu trắng trị giá 3.000.000đ của chị Nguyễn Thị B tại ngã ba phố C - phố N, phường Đ, quận H, thành phố H. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 8.149.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Nhân thân bị cáo có 1 tiền sự và 3 tiền án trong đó có 1 tiền án năm 2009 đã được xoá án tích, 01 tiền án năm 2014 chưa được xoá án tích và 01 tiền án năm 2016, chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000đ nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử lý bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm bảo đảm tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả người bị hại nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3]. *Về dân sự*: Người bị hại là chị Nguyễn Thị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về tang vật*: 01 xe máy D mang BKS: XXD1- XXX.XX có số khung 0YYYYYY, số máy 00YYYYYY thu giữ của bị cáo, bị cáo không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc chiếc xe nên căn cứ Điều 228 Bộ luật dân sự, tiếp tục tạm giữ và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, sau 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu chiếc xe máy trên thì tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc biển kiểm soát số XXD1-XXX.XX thu giữ của bị cáo không phải là biển số được cơ quan có thẩm quyền cấp cho chiếc xe máy trên, hiện chiếc biển kiểm soát không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

Từ phân tích, nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 277, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 228 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2018.

Về tang vật: 01 chiếc xe máy D màu nâu có số khung 0YYYYYY, số máy 00YYYYYY đã thu giữ của bị cáo, tiếp tục tạm giữ và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu. Sau 12 tháng kể từ ngày thông báo mà không tìm được ai là chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc biển kiểm soát số XXD1-XXXXX thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các tang vật hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H theo biên bản bàn giao tang vật, vật chứng ngày 09/4/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Bị cáo; Các đương sự khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu H